TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2025/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 13 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P - Sinh ngày: 28/07/1993.

CCCD số: 038193025708. Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 28/06/2021

Bị đơn: Anh Phạm Bá D, sinh ngày 17/05/1983

CCCD số: 038083020475. Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 02/10/2021.

Đều có địa chỉ: Bản P , xã T, huyện Q, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 3; Điều 6; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 03 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ngày 05 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến hoặc có thêm nguyện vọng gì về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị P - Sinh ngày: 28/07/1993

- **Bị đơn:** Anh Phạm Bá D, sinh ngày 17/05/1983

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân**: Các đương sự thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Chị Phạm Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Phạm Bá K (sinh ngày 09/02/2011) và Phạm Thanh T (sinh ngày 16/09/2015) cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có yêu cầu khác.

- **Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng**: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Chị Phạm Thị P tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm khi cả hai thuận tình ly hôn, do đó chị phải nộp **150.000đ** (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí. Chấp nhận chị đã nộp tạm ứng án phí **300.000đ** (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0006582 ngày 11/02/2025, chị được nhận lại **150.000đ** (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục THADS huyện Q, tỉnh T.

- **Về các vấn đề khác:** Giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 01/2011 ngày 11/02/2011 của UBND xã T, huyện Q, tỉnh T hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q (03 bản);
- Phòng KTNV, TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã T, H. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh